

# CẤU TRÚC NGỮ NGHĨA CỦA CÁC ĐỘNG TỪ TIẾNG NGA BIỂU THỊ SỰ THIẾT LẬP TƯ THẾ NGƯỜI, ĐỐI CHIẾU VỚI CÁC ĐƠN VỊ TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Tình\*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

*Nhận bài: 20/05/2018; Hoàn thành phản biện: 31/06/2018; Duyệt đăng: 30/08/2018*

**Tóm tắt:** Trong Ngôn ngữ học đối chiếu, một trong các nhiệm vụ quan trọng cần phải thực hiện là xác định cho được các yếu tố tương đương trong các ngôn ngữ tham gia đối chiếu. Trong từ vựng - ngữ nghĩa, các đơn vị tương đương được xác định dựa trên nội dung ngữ nghĩa của các đơn vị tham gia đối chiếu. Để làm rõ nhận định trên, chúng tôi tiến hành phân tích cấu trúc ngữ nghĩa của các động từ tiếng Nga biểu thị sự thiết lập tư thế người (*встать/вставать, сесть/садиться, лечь/ложиться*), đối chiếu với các đơn vị tương đương của chúng trong tiếng Việt (*đứng lên, ngồi xuống, nằm xuống*), chỉ ra các đặc điểm tương đồng và dị biệt giữa hai thứ tiếng nhằm giúp sinh viên Việt Nam học tiếng Nga tránh được các lỗi do hiện tượng giao thoa ngôn ngữ gây nên trong quá trình chuyển dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt và ngược lại.

**Từ khóa:** Động từ, cấu trúc, ngữ nghĩa, đối chiếu, tương đương

## 1. Đặt vấn đề

Kết quả phân tích của một số công trình nghiên cứu về lỗi của sinh viên nước ngoài học tiếng Nga (Глекнер & Крючкова, 1980) cho thấy, một trong những nguyên nhân làm cho sinh viên mắc lỗi là do hiện tượng giao thoa ngôn ngữ gây nên. Đó chính là sự chuyển di tiêu cực các thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ sang tiếng Nga. Để giúp cho sinh viên tránh được lỗi khi xây dựng các phát ngôn bằng tiếng Nga, theo Милославский (1981), cần phải tiến hành phân tích, đối chiếu và mô tả một cách đầy đủ các đặc điểm tương đồng và dị biệt giữa tiếng mẹ đẻ và tiếng Nga. Theo ông, chừng nào mục đích cuối cùng của người học là nắm một ngôn ngữ như một hệ thống, thì chừng đó đòi hỏi tác giả các công trình nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ phải phân tích kỹ cả hai hệ thống ngôn ngữ và chỉ ra cho được các nguyên nhân gây nên hiện tượng giao thoa ngôn ngữ. Để tiến hành nghiên cứu đối chiếu, việc đầu tiên cần làm là phải xác định cho được các đơn vị tương đương trong các ngôn ngữ tham gia đối chiếu. Trong đối chiếu từ vựng - ngữ nghĩa, các đơn vị tương đương được xác định dựa trên nội dung ngữ nghĩa của các đơn vị tham gia đối chiếu. Xuất phát từ quan điểm vừa nêu, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đối chiếu cấu trúc ngữ nghĩa của các động từ tiếng Nga thuộc nhóm biểu thị sự thiết lập tư thế người với các đơn vị tương đương của chúng trong tiếng Việt. Nhóm động từ tiếng Nga mà chúng tôi chọn để nghiên cứu là một trong các nhóm từ vựng - ngữ nghĩa đã được phân loại và nghiên cứu. Tuy nhiên cho đến nay chưa có công trình nào đề cập đến vấn đề cấu trúc ngữ nghĩa của các động từ thuộc nhóm cũng như đối chiếu chúng với các đơn vị tương đương trong tiếng Việt.

\* Email: nguyentinhdhnn@yahoo.com.vn

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1. Cấu trúc nghĩa của từ

Theo Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu & Hoàng Trọng Phiến (1992), một từ có một nghĩa hoặc nhiều nghĩa. Nếu là từ nhiều nghĩa thì các nghĩa (hay còn gọi là nghĩa vị) này có quan hệ với nhau và được sắp xếp theo một cơ cấu nhất định. Trong từng nghĩa vị của từ cũng vậy, chúng bao gồm những thành tố nhỏ hơn có thể phân tích ra được, đó là các nghĩa tố. Các nghĩa tố này cũng được sắp xếp theo một tổ chức nhất định được gọi là *cấu trúc nghĩa biểu niệm* của từ. Như vậy, khi phân tích cấu trúc ngữ nghĩa của từ ta phải xác định xem từ đó có bao nhiêu nghĩa vị, mỗi nghĩa vị có bao nhiêu nghĩa tố và tất cả chúng được sắp xếp trong quan hệ với nhau như thế nào.

### 2.2. Nghĩa tố là gì?

Nghĩa tố được hiểu là:

*Một dấu hiệu logic ứng với một thuộc tính chung của sự vật, hiện tượng (biểu vật) được đưa vào nghĩa biểu niệm. Đó chính là yếu tố ngữ nghĩa chung của các từ thuộc cùng một nhóm từ hoặc riêng cho nghĩa của một từ đối lập với nghĩa của những từ khác trong cùng một nhóm từ vựng - ngữ nghĩa* (Mai Ngọc Chừ & cộng sự, 1992, tr. 192).

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Theo thống kê của chúng tôi, nhóm từ vựng - ngữ nghĩa các động từ tiếng Nga chỉ sự thiết lập tư thế người có tới 34 động từ, trong đó bao gồm các động từ có tiếp đầu ngữ và không tiếp đầu ngữ, các động từ hoàn thành thể và chưa hoàn thành thể. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ chọn và tiến hành nghiên cứu các động từ không có tiếp đầu ngữ, bao gồm hoàn thành thể và chưa hoàn thành thể, đó là các động từ sau: *встать/ вставать* (thiết lập tư thế đứng); *сесть/ садиться* (thiết lập tư thế ngồi); *лечь/ ложиться* (thiết lập tư thế nằm).

Để tiến hành nghiên cứu đối chiếu cấu trúc ngữ nghĩa của các động từ tiếng Nga thuộc nhóm biểu thị sự thiết lập tư thế người với các đơn vị tương đương của chúng trong tiếng Việt chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phương pháp miêu tả: phương pháp này được sử dụng nhằm xác định nội dung ngữ nghĩa của các động từ tham gia đối chiếu cũng như các đơn vị tương đương của hai thứ tiếng;

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: phương pháp này được sử dụng để phân tích nội dung ngữ nghĩa của từng động từ thuộc nhóm nghiên cứu, từ đó chỉ ra cấu trúc biểu niệm của chúng;

- Phương pháp so sánh, đối chiếu: Phương pháp này được sử dụng nhằm đối chiếu cấu trúc ngữ nghĩa của từng động từ tiếng Nga thuộc nhóm nghiên cứu với các đơn vị tương đương trong tiếng Việt, rút ra những điểm tương đồng và dị biệt của các đơn vị tham gia đối chiếu giữa hai thứ tiếng.

Trong quá trình nghiên cứu, để xác định nội dung ngữ nghĩa của các đơn vị tham gia đối chiếu, chúng tôi sử dụng các từ điển khác nhau, bao gồm: Từ điển Nga-Nga; Từ điển Nga-Việt, Từ điển Việt-Nga, Từ điển Tiếng Việt. Các ví dụ minh họa trong bài báo được rút ra từ các tác

phẩm Văn học đã được xuất bản, bao gồm nguyên bản và bản dịch, của các tác giả và các dịch giả có uy tín trong nước và nước ngoài.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Xác định các đơn vị tương đương trong tiếng Việt của các động từ tiếng Nga

Như trên đã trình bày, trong tiếng Nga, để biểu thị hành động thiết lập tư thế người trong không gian có các động từ độc lập chuyên dụng: *встать/ вставать* (thiết lập tư thế đứng); *сесть/ садиться* (thiết lập tư thế ngồi); *лечь/ ложиться* (thiết lập tư thế nằm). Trong khi đó, kết quả khảo sát (Nguyễn Tình, 2017, tr. 10-15) cho thấy, ở tiếng Việt không có các động từ chuyên dụng, độc lập như tiếng Nga mà thay vào đó là các động từ chỉ tư thế (*đứng, ngồi, nằm*) kết hợp với các từ chỉ hướng (*ra, vào, lên, xuống, v.v...*) để tạo nên các tổ hợp từ tương ứng như: *đứng lên, ngồi xuống, nằm xuống, v.v...*

Ở đây cũng xin trình bày thêm, ngoài các tổ hợp nêu trên (*đứng lên, ngồi xuống, nằm xuống*), trong tiếng Việt còn có các tổ hợp từ khác cũng có khả năng đảm nhiệm vai trò đơn vị tương đương các động từ tiếng Nga đang xét, chẳng hạn như: *đứng dậy, ngồi dậy, ngồi lên, ngồi vào, nằm vào, nằm xuống...* Các tổ hợp từ vừa nêu đều có điểm chung là biểu thị hành động thiết lập tư thế người. Điểm khác nhau giữa chúng là việc kết hợp với các từ chỉ hướng (*ra, vào, lên, dậy, xuống...*). Việc kết hợp với từ chỉ hướng này hay từ chỉ hướng khác trong các tổ hợp trên là tùy theo vị trí và tư thế ban đầu của chủ thể (Nguyễn Tình, 2017, tr. 10-15).

Từ những trình bày trên cho thấy, quan hệ tương đương ở đây là quan hệ giữa *từ* và *tổ hợp từ*. Quan hệ này, như trên đã trình bày, được xác lập dựa trên nội dung ngữ nghĩa của các đơn vị tham gia đối chiếu. Để làm rõ điều này, chúng tôi tiến hành phân tích và đối chiếu cấu trúc ngữ nghĩa của các đơn vị tương đương trong mỗi thứ tiếng.

##### 4.2. Đối chiếu cấu trúc ngữ nghĩa của các động từ tiếng Nga biểu thị hành động thiết lập tư thế người với các đơn vị tương đương trong tiếng Việt

Như đã trình bày, trong tiếng Việt có nhiều tổ hợp từ khác nhau có thể đảm nhiệm vai trò đơn vị tương đương với các động từ tiếng Nga đang xét. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ xem xét ba trong số các tổ hợp từ nêu trên đó là: *đứng lên, ngồi xuống, nằm xuống* tương ứng với các động từ tiếng Nga: *встать/ вставать, сесть/ садиться, лечь/ ложиться*.

###### 4.2.1. Cấu trúc ngữ nghĩa của động từ *встать/вставать* đối chiếu với các đơn vị tương đương trong tiếng Việt

Động từ *встать/ вставать* tham gia vào nhóm động từ đang xét bằng một trong các nghĩa vị cơ bản của mình, đó là “*thiết lập tư thế đứng*”, ví dụ:

*Потом встал секретарь и начал читать обвинительный акт* (Толстой, 1964, tr. 34).

*Sau đó viên Lục sự đứng lên đọc bản cáo trạng* (Vũ Đình Phòng, Phùng Ưông dịch, 2011, tr. 60).

Kết quả phân tích cho thấy, cấu trúc biểu niệm của động từ *встать/ вставать* trong trường hợp này được miêu tả như sau: *hành động vật lý/ tự vận động/ không dời chỗ/ chuyển qua tư thế đứng*.

Như đã trình bày, trong tiếng Việt, một trong những đơn vị tương đương với động từ tiếng Nga *встать/ вставать* là tổ hợp từ *đứng lên*, ví dụ:

*Anh (Sài) đứng lên chống tay vào thành tường ngắm nhìn dòng nước như lạ lắm,* (Lê Lưu, 1987, tr. 51).

Động từ *đứng* nếu sử dụng độc lập, ngoài tổ hợp từ *đứng lên*, có nội dung ngữ nghĩa như sau: “*Ở tư thế thân thẳng, chỉ có chân đặt trên mặt đất, chống đỡ cả toàn thân*” (Hoàng Phê, 2000, tr. 335 ), ví dụ:

Một cậu học trò độ chín, mười tuổi *đứng* sau hàng đậu, vẫy cô (Mai) (Khái Hưng, 2011, tr. 5).

Với nghĩa vị này, động từ *đứng* có cấu trúc nghĩa biểu niệm như sau: *trạng thái vật lý/ bất động/có tư thế vuông góc với mặt phẳng ngang/ điểm tiếp xúc là đôi bàn chân*. Dễ dàng nhận thấy rằng, động từ *đứng* ở đây là động từ thuộc nhóm các động từ *chỉ tư thế* của người trong không gian và tương đương với động từ *стоять* của tiếng Nga được dùng trong trường hợp sau:

*Кити стояла подле мужа, очевидно дожидаясь конца неинтересовавшего разговора, чтобы сказать ему что-то* (Толстой, 1968, tr. 127).

*Kity đứng bên chồng, rõ ràng đang chờ đợi câu chuyện chẳng thú vị gì ấy chấm dứt để nói với chồng điều gì đó* (Nhị Ca, Dương Tường dịch, 1988, tr. 176).

Còn đối với từ *lên*, với tư cách là một động từ chỉ sự vận động khi nằm ngoài tổ hợp từ *đứng lên* sẽ có nội dung ngữ nghĩa như sau: “*Di chuyển đến một chỗ, một vị trí cao hơn hoặc được coi là cao hơn*” (Hoàng Phê, 2000, tr. 562 ), ví dụ:

*Hai chị em (Mai và Huy) cùng lên xe về nhà* (Khái Hưng, 2011, tr. 17).

Với nghĩa vị vừa nêu, động từ *lên* có cấu trúc nghĩa biểu niệm như sau: *hành động vật lý/ chuyển động dời chỗ/ đạt vị trí cao hơn*. Rõ ràng với cấu trúc nghĩa biểu niệm này, động từ *lên* thuộc nhóm động từ chuyển động và tương đương với động từ tiếng Nga *подняться/подниматься* được dùng trong trường hợp sau:

*подняться по лестнице* (lên cầu thang), *подняться на второй этаж* (lên tầng hai) (Алиханов, Иванов, & Мальханова, 1977, tr. 80. )

Đối chiếu với động từ *встать/ вставать* chúng ta thấy, trong cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *đứng* không có các nghĩa tố như: *hành động vật lý/ tư vận động/ tăng độ cao cơ thể*. Nhưng các nghĩa tố này lại có trong cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *lên*. Đây chính là lý do động từ *đứng* phải kết hợp với động từ *lên* để trở thành đơn vị tương đương của động từ *встать/ вставать*.

Cũng cần nói thêm rằng, đây không phải là một phép cộng đơn thuần về mặt ngữ nghĩa mà là một quá trình biến đổi, bổ sung nội dung ngữ nghĩa cho nhau của mỗi từ khi tham gia vào tổ hợp để có được nội dung ngữ nghĩa tương đương với động từ tiếng Nga tương ứng. Cụ thể là trong cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *đứng* nghĩa tố *trạng thái vật lý* được thay bằng nghĩa tố *hành động vật lý* từ cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *lên*; Mặt khác, nghĩa tố *chuyển động dời chỗ* trong cấu trúc nghĩa biểu niệm động từ *lên* bị mờ đi và thay vào đó là các nghĩa tố *hướng di chuyển/ biến đổi từ thấp lên cao*. Kết quả là, từ một động từ chuyển động, *lên* trở thành từ chỉ

hướng trong tổ hợp từ *đứng lên* và có cấu trúc nghĩa biểu niệm của tổ hợp như sau: *hành động vật lý/ tự vận động/ tăng chiều cao cơ thể/ chuyển qua tư thế đứng*. Dễ dàng nhận thấy rằng, cấu trúc này tương đương với cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ tiếng Nga *встать/ вставать*.

#### 4.2.2. Cấu trúc ngữ nghĩa của động từ *сесть/садиться*, đối chiếu với các đơn vị tương đương trong tiếng Việt

Động từ *сесть/ садиться* tham gia vào nhóm từ vựng - ngữ nghĩa đang xét với nghĩa vị *thiết lập tư thế ngồi*, ví dụ:

*Маслова сняла пыльный халат и сынку с курчавящихся черных волос и села* (Толстой, 1964, tr. 113).

*Махлова cởi chiếc áo khoác đầy bụi và bỏ cái khăn che mái tóc quăn đen ra rồi ngồi xuống* (Vũ Đình Phòng, Phòng Ưông dịch, 2011, tr. 198).

Nghĩa vị này có cấu trúc nghĩa biểu niệm như sau: *hành động vật lý/ tự vận động/ không đòi chỗ/ hạ thấp chiều cao cơ thể/ chuyển qua tư thế ngồi*.

Trong tiếng Việt, một trong những đơn vị tương đương với động từ tiếng Nga *сесть/ садиться*, là tổ hợp từ *ngồi xuống*, ví dụ:

*Thượng tọa chấp tay khẽ cúi chào khắp lượt và đường bệ ngồi xuống* (Nguyễn Trường Thiên Lý, 1987, tr. 289).

Động từ *ngồi* khi chưa tham gia vào tổ hợp từ *ngồi xuống*, có nội dung ngữ nghĩa như sau: *“Ở tư thế dít đặt trên mặt nền hoặc chân gập lại để đỡ toàn thân”* (Hoàng Phê, 2000, tr. 688). Động từ này được dùng để biểu thị một trong các tư thế cơ bản của người trong không gian, đó là tư thế *ngồi*, ví dụ:

*Có lúc hai chị em (Mai và Huy) ngồi yên lặng cùng mỉm cười trong đêm tối* (Khái Hưng, 2011, tr. 19).

Phân tích cho thấy, cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *ngồi* được miêu tả như sau: *trạng thái vật lý (bất động)/có tư thế vuông góc với mặt phẳng ngang/mong tiếp xúc với mặt phẳng*. Xét từ góc độ ngữ nghĩa, động từ *ngồi* ở đây tương đương với động từ *сидеть* trong tiếng Nga khi được sử dụng trong trường hợp sau:

*Когда Левин вошёл наверх, жена его сидела у нового серебряного самовара за новым чайным прибором* (Толстой, 1968, tr. 57).

*Lêvin lên gác và thấy vợ đang ngồi đó, cạnh ấm đun trà và bộ ấm chén mới* (Nhị Ca, Dương Tường dịch, 1988, tr. 77).

Còn đối với từ *xuống*, với tư cách là một động từ chỉ sự vận động khi nằm ngoài tổ hợp từ *ngồi xuống* sẽ có nội dung ngữ nghĩa như sau: *Di chuyển đến một chỗ, một vị trí thấp hơn hay được cho là thấp hơn* (Hoàng Phê, 2000, tr. 1162), ví dụ:

*Mai bỗng để ý tới một chàng Âu phục ở toa hạng ba vừa xuống, đi đi, lại lại trước mắt cô* (Khái Hưng, 2011, tr. 24).

Phân tích cho thấy, cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *xuống* được miêu tả như sau: *hành động vật lý (vận động)/ đạt vị trí thấp hơn*. Như vậy, động từ *xuống* trong trường hợp này

thuộc nhóm động từ chuyển động, tức là biểu thị một thành động chứ không phải trạng thái và tương đương với động từ tiếng Nga *спуститься/ спускаться* được sử dụng trong trường hợp sau:

*спуститься по лестнице* (xuống cầu thang), *спуститься в погреб* (xuống hầm), (Алиханов, Иванов, & Мальханова, 1977, tr. 384).

Đối chiếu với động từ *сесть/садиться* chúng ta thấy, trong cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *ngồi* không có các nghĩa tố như: *hành động vật lý/ tự vận động/ giảm độ cao cơ thể*. Nhưng trong cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *xuống* thì có các nghĩa tố này. Vì vậy, để trở thành đơn vị tương đương với động từ tiếng Nga *сесть/ садиться*, động từ *ngồi* phải kết hợp với động từ *xuống*.

Cũng tương tự như tổ hợp từ *đứng lên* đã được trình bày ở trên, tổ hợp từ *ngồi xuống*, muốn có nội dung ngữ nghĩa tương đương với động từ tiếng Nga đang xét, mỗi từ thành viên của tổ hợp phải có sự biến đổi, bổ sung cho nhau về mặt nội dung ngữ nghĩa. Cụ thể là, trong cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *ngồi*, nghĩa tố *hành động vật lý* từ cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *xuống* được bổ sung và thay thế cho nghĩa tố *trạng thái vật lý*. Mặt khác, nghĩa tố *chuyển động dời chỗ* trong cấu trúc nghĩa biểu niệm động từ *xuống* bị mờ đi và thay vào đó là các nghĩa tố *hướng di chuyển/ biến đổi từ cao xuống thấp*. Kết quả là, từ một động từ chuyển động, *xuống* trở thành từ chỉ hướng trong tổ hợp từ *ngồi xuống* và có cấu trúc nghĩa biểu niệm của tổ hợp như sau: *hành động vật lý/ tự vận động/ giảm chiều cao cơ thể/ chuyển qua tư thế ngồi*. Dễ dàng nhận thấy rằng, cấu trúc này tương đương với cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ tiếng Nga *сесть/ садиться*.

#### 4.2.3. Cấu trúc ngữ nghĩa của động từ *лечь/ложиться*, đối chiếu với các đơn vị tương đương trong tiếng Việt

Động từ *лечь/ ложиться* tham gia vào nhóm từ vựng - ngữ nghĩa đang xét với nghĩa vị *thiết lập tư thế nằm*, ví dụ:

*В эту ночь Нехлюдов лег в постель и потушил свечу. Он долго не мог заснуть* (Толстой, 1964, tr. 295).

*Đêm đó, khi chỉ còn một mình ở trong phòng, chàng nằm xuống, tắt đèn và trần trọc mãi mới ngủ được* (Vũ Đình Phòng, Phùng Ưông dịch, 2011, tr. 523).

Nghĩa vị này có cấu trúc nghĩa biểu niệm như sau: *hành động vật lý/ tự vận động/ không dời chỗ/ hạ thấp chiều cao cơ thể/ chuyển qua tư thế nằm*.

Như trên đã trình bày, trong tiếng Việt, một trong những đơn vị tương đương với động từ tiếng Nga *лечь/ ложиться* là tổ hợp từ *nằm xuống*, ví dụ:

*Hỏi toan ngồi dậy xô giày ra về nhưng Khuê đã kéo vai cậu chiến sĩ nằm xuống* (Nguyễn Minh Châu, 2001, tr. 35).

Động từ *nằm* khi sử dụng độc lập, ngoài tổ hợp từ *nằm xuống*, có nội dung ngữ nghĩa như sau: *“Ngả thân mình trên một vật nào đó, thường để nghỉ”* (Hoàng Phê, 2000, tr. 660). Động từ này được dùng để biểu thị một trong các tư thế cơ bản của người trong không gian, đó là tư thế *nằm*, ví dụ:

*Trên một chiếc giường lát tre buông màn nâu đầy những mụn vải tây điều, Huy đang nằm vắn vợ nghệ ngơi* (Khái Hưng, 2011, tr. 133).

Phân tích cho thấy, cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *nằm* được miêu tả như sau: *trạng thái vật lý (bất động)/ có tư thế song song với mặt phẳng ngang/ toàn thân tiếp xúc với mặt phẳng ngang*. Xét từ góc độ ngữ nghĩa, động từ *nằm* ở đây tương đương với động từ tiếng Nga *лежать* được sử dụng trong trường hợp sau:

*Она (Анна) лежала и постели с открытыми глазами* (Толстой, 1968, tr. 340)

*Nàng (Anna) nằm thẳng trên giường, mắt mở trừng trừng* (Nhị Ca, Dương Tường dịch, 1988, tr. 479).

Còn đối với động từ *xuống*, như chúng tôi đã trình bày rõ trong tổ hợp từ *ngồi xuống* ở mục 4.2.. Ở đây, để tiện theo dõi, chúng tôi xin nhắc lại rằng *xuống* vốn là một động từ *chuyển động* có cấu trúc nghĩa biểu niệm như sau: *hành động vật lý (vận động)/đạt vị trí thấp hơn*, ví dụ:

*Rồi hai người (Lộc và Mai) dắt tay nhau xuống đồi, trở về chỗ cũ* (Khái Hưng, 2011, tr. 92).

Cũng tương tự như tổ hợp từ *ngồi xuống*, nội dung ngữ nghĩa của tổ hợp từ *nằm xuống* có được là nhờ sự điều chỉnh, biến đổi và bổ sung ngữ nghĩa giữa các từ thành viên, cụ thể là, trong cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *nằm* nghĩa tổ *trạng thái vật lý* được thay bằng nghĩa tổ *hành động vật lý* từ cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ *xuống*; Mặt khác, nghĩa tổ *chuyển động dời chỗ* trong cấu trúc nghĩa biểu niệm động từ *xuống* bị mờ đi và thay vào đó là các nghĩa tổ *hướng di chuyển/ biến đổi từ cao xuống thấp*. Kết quả là, từ một động từ chuyển động, *xuống* trở thành từ chỉ hướng trong tổ hợp từ *nằm xuống* và có cấu trúc nghĩa biểu niệm của tổ hợp như sau: *hành động vật lý/ tự vận động/ giảm chiều cao cơ thể/ chuyển qua tư thế nằm*. Dễ dàng nhận thấy rằng, cấu trúc này tương đương với cấu trúc nghĩa biểu niệm của động từ tiếng Nga *лечь/ ложиться*.

## 5. Thảo luận và đề xuất

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong lĩnh vực đối chiếu từ vựng - ngữ nghĩa, quan hệ tương đương giữa các đơn vị tham gia đối chiếu không chỉ có giữa *từ* với *từ* mà có thể giữa *từ* và *tổ hợp từ*. Quan hệ tương đương này được xác định dựa trên nội dung ngữ nghĩa của các đơn vị tham gia đối chiếu.

Trong tiếng Việt, các động từ *nằm, ngồi, đứng* khi sử dụng độc lập (ngoài các tổ hợp từ nêu trên) có nội dung ngữ nghĩa và cấu trúc nghĩa biểu niệm tương đương với cá động từ tiếng Nga (*стоять, сидеть, лежать*). Đây là các động từ biểu thị *tư thế của người trong không gian* chứ không phải biểu thị *sự thiết lập tư thế của người* như các động từ *встать/ вставать, сесть/ садиться, лечь/ ложиться* trong tiếng Nga. Vì vậy đối với sinh viên Việt Nam học tiếng Nga cần phải nắm vững sự khác biệt này để tránh nhầm lẫn khi sử dụng các động từ nêu trên trong việc xây dựng các phát ngôn bằng tiếng Nga.

## 6. Kết luận

Từ những trình bày trên đây, chúng tôi đi đến kết luận như sau:

- Khác với tiếng Nga, trong tiếng Việt không có các động từ độc lập, chuyên dụng để biểu thị sự thiết lập tư thế người mà thay vào đó là các tổ hợp từ bao gồm một động từ biểu thị tư thế người trong không gian (*đứng, nằm, ngồi*) và một trong các từ chỉ hướng (*ra, vào, lên, xuống...*)

- Các tổ hợp từ tiếng Việt được xác định là các đơn vị tương đương của các động từ thuộc nhóm nghiên cứu của tiếng Nga là vì có cấu trúc biểu niệm tương đương.

- Để có cấu trúc biểu niệm tương đương với các động từ tiếng Nga *встать/ вставать, сесть/ садиться, лечь/ ложиться*, các từ thành viên tham gia vào các tổ hợp từ tương ứng trong tiếng Việt (*đứng lên, ngồi xuống, nằm xuống*) phải biến đổi, bổ sung ngữ nghĩa cho nhau để lấp đầy cấu trúc nghĩa biểu niệm của các động từ tiếng Nga tương ứng.

### Tài liệu tham khảo

Аликанов, К.М., Иванов В.В., & Мальханова, И.А. (1977). *Русско-Вьетнамский словарь*. Москва. Изд. Русский язык.

Hoàng Khê (2000). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng.

Khái Hưng (2011). *Nửa chừng xuân*. TP. HCM: Nxb Dân trí.

Lê Lưu (1987). *Thời xa vắng*. Hà Nội: Nxb Tác phẩm mới.

Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu & Hoàng Trọng Phiến (1992). *Cơ sở ngôn ngữ học và Tiếng Việt* (Tái bản). Hà Nội: Nxb Giáo dục Chuyên nghiệp.

Nguyễn Minh Châu (2001). *Dấu chân người lính* (Tiểu thuyết). Hà Nội: Nxb Thanh niên.

Nguyễn Tinh (2017). Nhóm động từ tiếng Nga biểu thị sự thiết lập tư thế người và các yếu tố tương đương trong tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự*, số 7, 10-15.

Nguyễn Trường Thiên Lý (1987). *Ván bài lật ngựa*. Hậu Giang: Nxb Tổng hợp.

Nhị Ca (1988). *Anna Karênina* (Dương Tường dịch). Hà Nội: Nxb Văn học.

Глекнер, Х., & Крючкова, М.Л. (1980). Управление и сочетаемость глаголов со значением “увлечение” в русском и немецком языках. *Русский язык зарубежом*, 71(5), 34-37.

Милославский, И.Г. (1981). *Сопоставительная лингвистика в передовании русского языка*. *Русский язык за рубежом*, 5.

Толстой, Л.Н. (1964). *Воскресенье*. Москва: Изд. Художественная литература.

Толстой, Л.Н. (1968). *Анна Каренина*. Москва: Изд. Художественная литература.

Vũ Đình Phòng (2011). *Phục sinh* (Phùng Ưông dịch). Hà Nội: Nxb Văn học.



## SEMANTIC STRUCTURE OF RUSSIAN VERBS EXPRESSING THE ESTABLISHMENT OF HUMAN POSTURE COMPARED WITH THEIR EQUIVALENTS IN VIETNAMESE

**Abstract:** In contrastive linguistics, one of the important tasks to be done is to identify the equivalents in the languages involved. In terms of lexicosemantics, equivalent units are defined based on the semantic contents of participating units. To clarify the above mentioned, we analyze the semantic structure of the Russian verbs expressing the establishment of human posture (встать/ вставать, сесть/ садиться, лечь/ ложиться) and compare them with their equivalents in Vietnamese (đứng lên, ngồi xuống, nằm xuống). The findings are used to point out the similarities and differences between the two languages in an attempt to help Vietnamese learners/students of Russian avoid errors caused by language interferences during the transition from Russian to Vietnamese and vice versa.

**Keywords:** Verbs, semantic structure, comparison, equivalents